

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VỮNG TÀU XANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VỮNG TÀU XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTCP ĐT VỮNG TÀU XANH

2. Mã số doanh nghiệp: 3502352956

3. Ngày thành lập: 22/12/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 243 Thống Nhất, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: congtyvungtauxanh@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lâu năm khác	0129
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5.	Chăn nuôi trâu, bò (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp với quy hoạch của vùng, địa phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0141
6.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
7.	Trồng cây hồ tiêu	0124
8.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
9.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
10.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
11.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
12.	Chăn nuôi lợn (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp với quy hoạch của vùng, địa phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0145
13.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
14.	Sao chép bản ghi các loại	1820
15.	Trồng lúa	0111(Chính)
16.	Trồng cây mía	0114
17.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
18.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
19.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012

20.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
21.	Sản xuất bột giấy, giấy và bì	1701
22.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
23.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
24.	Sản xuất bì và mạch nha ủ men bì	1103
25.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
26.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
27.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
28.	Trồng cây cao su	0125
29.	Khai thác thủy sản biển	0311
30.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
31.	Sản xuất giống thủy sản	0323
32.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
35.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
36.	In ấn	1811
37.	Trồng cây cà phê	0126
38.	Khai thác quặng sắt	0710
39.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
40.	Trồng cây hàng năm khác	0119
41.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản - Trừ sản xuất bộ cá (Địa điểm sản xuất phải phù hợp quy hoạch của vùng, địa phương và Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	1080
42.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
43.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
44.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
45.	Khai thác muối	0893
46.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
47.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
48.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
49.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
50.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
51.	Trồng cây chè	0127
52.	Chăn nuôi gia cầm (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp với quy hoạch của vùng, địa phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0146
53.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323

54.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
55.	Sản xuất giày dép	1520
56.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
57.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
58.	Chăn nuôi khác (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp với quy hoạch của vùng, địa phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0149
59.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
60.	Khai thác gỗ Chi tiết: Chỉ khai thác gỗ rừng trồng	0221
61.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
62.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
63.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
65.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
66.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
67.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
68.	Trồng cây điều	0123
69.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
70.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
71.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
72.	Sản xuất rượu vang	1102
73.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
74.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
75.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp với quy hoạch của vùng, địa phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0142
76.	Chăn nuôi dê, cừu (Địa điểm chăn nuôi phải phù hợp với quy hoạch của vùng, địa phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)	0144
77.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
78.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
79.	Trồng cây lấy sợi	0116
80.	Sản xuất đường	1072
81.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
82.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322

83.	Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
-----	--	--

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN AN THỐI	Thôn Quảng Phú, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	40,000	091069000037	
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	40,000		
2	NGUYỄN THỊ THẢO	53/16C Lê Hồng Phong, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	50,000	044169000593	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	50,000		
3	NGUYỄN CÔNG	Số 58B Cao Thắng, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	022998364	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 22/12/2017 đến ngày 21/01/2018

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/04/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 044169000593

Ngày cấp: 18/07/2017

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *53/16C Lê Hồng Phong, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *53/16C Lê Hồng Phong, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu